

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0305814927 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 5 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 04 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: GIANG HOAI AUTOMOBILE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: GIANG HOAI MOTOR.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 2 Khu phố Trung, Phường Vĩnh Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Bùi Như Lạc	Chủ tịch
	Ông Zhao Qian	Thành viên
	Ông Nguyễn Huy Thắng	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc	Bà Nguyễn Thị Thắm	Giám đốc (Ngày 4/10/2016 miễn nhiệm Giám đốc và bổ nhiệm làm Phó Giám đốc)
	Ông Zhao Qian	Giám đốc (Ngày 4/10/2016 miễn nhiệm Phó Giám đốc và bổ nhiệm Giám đốc)
	Ông Phạm Nguyễn Phi Long	Phó Giám đốc
	Ông Trương Thanh Bình	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban giám đốc, *khả*



Zhao Qian
Giám đốc

Bình Dương, ngày 19 tháng 03 năm 2017

Số: 129/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài, được lập ngày 19 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Chúng tôi không tham gia quan sát kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016 do tại ngày này Chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán viên. Đồng thời, đến thời điểm kiểm toán, Chúng tôi cũng chưa thu thập được đầy đủ các tài liệu để làm cơ sở cho việc đánh giá hàng tồn kho chậm luân chuyển. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến nhận xét về khoản mục hàng tồn kho và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779-2015-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Thị Minh Anh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2015-137-1



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		127.284.790.299	170.342.491.582
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	27.826.577.923	6.781.059.236
1. Tiền	111		21.326.577.923	4.941.059.236
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.500.000.000	1.840.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	9.490.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.490.000.000	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.785.013.755	19.931.088.685
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	7.761.364.516	8.283.852.019
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		29.500.000	178.110.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	6.914.984.246	13.887.054.483
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(1.920.835.007)	(2.417.927.817)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	76.986.550.349	138.265.739.811
1. Hàng tồn kho	141		76.986.550.349	138.265.739.811
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		196.648.272	5.364.603.850
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	64.237.222	82.488.703
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	5.149.704.097
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	132.411.050	132.411.050
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		25.916.987.292	27.709.560.663
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		1.528.632.089	2.087.149.937
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	1.528.632.089	2.087.149.937
- Nguyên giá	222		4.136.756.958	4.136.756.958
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.608.124.869)	(2.049.607.021)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	21.898.788.555	21.457.797.203
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		23.400.000.000	23.380.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.501.211.445)	(1.922.202.797)
VI Tài sản dài hạn khác	260		2.489.566.648	4.164.613.523
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2.489.566.648	4.164.613.523
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		153.201.777.591	198.052.052.245

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		127.324.250.864	160.852.837.314
I- Nợ ngắn hạn	310		77.943.884.851	108.661.626.801
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	12.371.818.141	33.029.901.993
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		465.698.664	1.162.846.164
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.573.591.549	100.393.431
4. Phải trả người lao động	314		1.100.498.002	1.030.595.444
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	13.636.363
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	5.237.457.823	1.773.367.281
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	57.181.043.250	68.451.166.050
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.14	-	3.085.942.653
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		13.777.422	13.777.422
II- Nợ dài hạn	330		49.380.366.013	52.191.210.513
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	-	3.350.844.500
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.13	49.380.366.013	48.840.366.013
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		25.877.526.727	37.199.214.931
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	25.877.526.727	37.199.214.931
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.209.000.000	39.209.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(13.331.473.273)	(2.009.785.069)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		(2.009.785.069)	3.330.313.515
- LNST chưa phân phối kì này	421b		(11.321.688.204)	(5.340.098.584)
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		153.201.777.591	198.052.052.245

Bình Dương, ngày 19 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ngô Thị Liên

Vũ Kim Dung

Zhao Qian



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VN6	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	237.455.615.471	190.332.527.718
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.422.727.273	131.818.181
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	236.032.888.198	190.200.709.537
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	226.632.294.949	168.063.320.494
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		9.400.593.249	22.137.389.043
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	1.413.089.551	1.047.730.699
7. Chi phí tài chính	22	5.19	6.215.329.763	8.635.997.145
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.815.637.425</i>	<i>5.270.569.771</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.20	7.130.544.506	9.857.176.396
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	9.763.763.288	10.082.530.429
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(12.295.954.757)	(5.390.584.228)
11. Thu nhập khác	31	5.22	1.050.909.091	40.209.100
12. Chi phí khác	32	5.22	51.414.157	78.468.432
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	999.494.934	(38.259.332)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(11.296.459.823)	(5.428.843.560)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	25.228.381	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(11.321.688.204)	(5.428.843.560)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	(2.888)	(1.498)

Bình Dương, ngày 19 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Ngô Thị Liên



Vũ Kim Dung



Zhao Qian

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	Năm 2015
		VN6	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(11.296.459.823)	(5.428.843.560)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	558.517.848	521.857.109
- Các khoản dự phòng	03	(4.004.026.815)	(1.001.156.914)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	535.275.310	2.443.396.464
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.115.284.031)	(983.063.327)
- Chi phí lãi vay	06	5.815.637.425	5.270.569.771
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(9.506.340.086)	822.759.543
- Biến động các khoản phải thu	09	2.702.871.837	4.198.999.897
- Biến động hàng tồn kho	10	61.279.189.462	(52.027.480.007)
- Biến động các khoản phải trả	11	(21.362.633.362)	(7.381.414.422)
- Biến động chi phí trả trước	12	1.693.298.356	(1.061.111.126)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.160.800.824)	(3.374.738.047)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.228.381)	(784.054.518)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	30.620.357.002	(59.607.038.680)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(343.144.920)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.569.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	15.169.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.000.000)	(171.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.115.284.031	983.063.327
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.695.284.031	468.918.407
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	6.500.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33	133.649.621.260	145.935.001.050
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(144.919.744.060)	(93.708.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.270.122.800)	58.726.801.050
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	21.045.518.233	(411.319.223)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.781.059.236	7.192.375.871
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	454	2.588
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	27.826.577.923	6.781.059.236

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 19 tháng 03 năm 2017

Giám đốc

Ngô Thị Liên

Vũ Kim Dung

Zhao Qian

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn****CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0305814927 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 5 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: GIANG HOAI AUTOMOBILE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: GIANG HOAI MOTOR.

Vốn điều lệ của Công ty là 39.209.000.000 đồng.

Chi tiết vốn góp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016

Cổ đông góp vốn	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Số vốn đã góp	
	Số lượng	Số tiền	Tỷ lệ	Tại 31/12/2016	Tỷ lệ
	CP	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận Tải	327.090	3.270.900.000	8%	3.270.900.000	8%
Bà Nguyễn Thúy Ngọc	2.777.130	27.771.300.000	71%	27.771.300.000	71%
Ông Bùi Như Lạc	816.680	8.166.800.000	21%	8.166.800.000	21%
Tổng	3.920.900	39.209.000.000	100%	39.209.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại Số 2 Khu phố Trung, Phường Vĩnh Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Số lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 64 người (tại 31 tháng 12 năm 2015 là: 63 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Sản xuất xe ô tô. Mua bán xe ô tô, linh kiện và phụ tùng xe ô tô. Sửa chữa ô tô; dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, cứu hộ, cứu nạn ô tô (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện tại trụ sở). Dịch vụ chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất ô tô và linh kiện phụ tùng xe ô tô. Tư vấn kỹ thuật, thiết kế máy móc ô tô./.

Hoạt động chính trong năm 2016 là mua bán xe ô tô, linh kiện và phụ tùng xe ô tô.

1.3. Cấu trúc Công ty

Trong năm Công ty có một văn phòng đại diện Công ty đặt tại số 1, ngách 355, ngõ 41, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2016.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Trung Quốc – Chi nhánh Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2016	Ngân hàng Trung Quốc – Chi nhánh Hồ Chí Minh	22.220 VND/USD	22.800 VND/USD
31/12/2015	Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh	22.450 VND/USD	22.530 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Số năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 12
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 10

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	56.048.976	161.315.684
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.270.528.947	4.779.743.552
Tương đương tiền	6.500.000.000	1.840.000.000
Tổng	27.826.577.923	6.781.059.236

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản Cho vay Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Thương mại Bảo Long theo các hợp đồng cho vay: Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7,5%/ năm.

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	7.761.364.516	8.283.852.019
Công ty Cổ phần Đại Cường	654.050.000	1.154.050.000
Công ty TNHH Huy Tân	-	1.335.360.000
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Phú Khang	-	1.400.000.000
Công ty TNHH DV và TM An Phú Hiệp	1.722.000.000	-
DNTN ô tô Hoàng Hải	23.636.364	-
Công ty CP ô tô JAC Việt Nam	1.402.895.276	-
Công ty Cổ phần Nhập khẩu và Phân phối Ô tô Jac	-	9.200.000
Các đối tượng khác	3.958.782.876	4.385.242.019
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	7.761.364.516	8.283.852.019

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.4 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đại Cường	654.050.000	-	1.154.050.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Cường Nguyệt	623.000.000	-	623.000.000	-
Các đối tượng khác	643.785.007	-	643.785.007	-
Tổng	1.920.835.007	-	2.420.835.007	-

	Quá hạn 1-30 ngày		Quá hạn 31-60 ngày		Quá hạn 61-90 ngày		Quá hạn trên 90 ngày	
Công ty Cổ phần Đại Cường	-	-	-	-	-	-	654.050.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Cường Nguyệt	-	-	-	-	-	-	623.000.000	-
Các đối tượng khác	-	-	-	-	-	-	643.785.007	-

5.5 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	6.914.984.246	-	13.887.054.483	-
- Tạm ứng	1.207.617.860	-	1.295.094.365	-
- Ký cược, ký quỹ	39.480.000	-	39.480.000	-
- Phải thu khác	5.667.886.386	-	12.552.480.118	-
+ Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Thương mại Bảo Long	4.685.715.223	-	10.844.947.880	-
+ Smartcorp International (HK) Limited	-	-	1.341.526.320	-
+ Phải thu khác	982.171.163	-	366.005.918	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	6.914.984.246	-	13.887.054.483	-



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	8.899.545.462	-
Nguyên liệu, vật liệu	17.454.832	-
Hàng hóa	68.069.550.055	-
Tổng	76.986.550.349	-

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	64.237.222	82.488.703
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	64.237.222	82.488.703
b) Dài hạn	2.489.566.648	4.164.613.523
Chi phí sửa chữa văn phòng công ty, showroom, chi phí khác	2.489.566.648	4.164.613.523
Tổng	2.553.803.870	4.247.102.226



55
 01
 01
 AN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

20

5.9 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

		31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)			
Tên Công ty	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Ô tô JAC Việt Nam	43,33%	23.400.000.000	21.898.788.555	1.501.211.445	23.380.000.000	21.457.797.203	1.922.202.797
Tổng		23.400.000.000	21.898.788.555	1.501.211.445	23.380.000.000	21.457.797.203	1.922.202.797

Chi tiết các khoản đầu tư

Tên	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Ô tô JAC Việt Nam	Khu phố Đông Ba, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	43,33%	43,33%	Sản xuất và lắp ráp ô tô

5.10 Phải trả người bán

		31/12/2016		01/01/2016	
		Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn		12.371.818.141	12.371.818.141	33.029.901.993	33.029.901.993
Công ty Cổ phần Ô tô JAC Việt Nam		11.466.646.472	11.466.646.472	2.911.432.010	2.911.432.010
Smartcorp International (HK) Limited		19.197.600	19.197.600	29.462.188.110	29.462.188.110
Anhui Jianghuai Automobile Co., Ltd		379.737.876	379.737.876	375.240.980	375.240.980
Các đối tượng khác		506.236.193	506.236.193	281.040.893	281.040.893
b. Dài hạn		-	-	-	-
Tổng		12.371.818.141	12.371.818.141	33.029.901.993	33.029.901.993

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.11	Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
	Phải nộp	100.393.431	26.184.419.698	24.711.221.580	1.573.591.549
	Thuế Giá trị gia tăng	-	13.534.662.629	12.068.272.721	1.466.389.908
	Thuế xuất, nhập khẩu	-	12.300.975.225	12.300.975.225	-
	Thuế thu nhập cá nhân	38.471.431	281.941.844	277.051.634	43.361.641
	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	61.922.000	66.840.000	64.922.000	63.840.000
	Phải thu	132.411.050	25.228.381	25.228.381	132.411.050
	Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	132.411.050	25.228.381	25.228.381	132.411.050
5.12	Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND		
	a) Ngắn hạn	5.237.457.823	1.773.367.281		
	Kinh phí công đoàn	29.584.121	20.958.133		
	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.051.284.500	-		
	Chiết khấu bán hàng	-	145.000.000		
	Lãi vay phải trả	3.107.747.542	1.535.652.771		
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	48.841.660	71.756.377		
	b) Dài hạn	-	3.350.844.500		
	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	3.350.844.500		
	Tổng	5.237.457.823	5.124.211.781		

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)										Mẫu B 09 - DN	
5.14	Vay và nợ thuê tài chính	Đơn vị tính: VND									
		31/12/2016		Trong năm				01/01/2016		Số có khả năng trả nợ	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị					
	a) Vay ngắn hạn	57.181.043.250	57.181.043.250	133.649.621.260	144.919.744.060	68.451.166.050	68.451.166.050	3.475.000.000	3.475.000.000	64.976.166.050	64.976.166.050
	Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-		3.475.000.000						
	Ngân hàng Trung Quốc -Chi nhánh HCM (1)	49.531.910.750	49.531.910.750	114.804.688.760	130.248.944.060	64.976.166.050	64.976.166.050				
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (2)	7.649.132.500	7.649.132.500	18.844.932.500	11.195.800.000						
	b) Vay dài hạn	49.380.366.013	49.380.366.013	540.000.000	-	48.840.366.013	48.840.366.013	45.060.000.000	45.060.000.000		
	Smartcorp International (HK) Limited (3)	45.600.000.000	45.600.000.000	540.000.000	-						
	Ông Zhao Qian (4)	3.780.366.013	3.780.366.013	-	-	3.780.366.013	3.780.366.013				
	Tổng	106.561.409.263	106.561.409.263	134.189.621.260	144.919.744.060	117.291.532.063	117.291.532.063	45.060.000.000	45.060.000.000	3.780.366.013	117.291.532.063

- (1) Vay ngắn hạn thế hiện khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay số U600/ST/GH/2016 ngày 03/07/2016. Hạn mức cho vay tối đa với số tiền là 131.562.000.000 đồng, trong đó hạn mức giải ngân tối đa để thanh toán thu tín dụng và thanh toán hợp đồng nhập khẩu theo hình thức T/T là 65.781.000.000 đồng. Lãi suất được áp dụng là lãi suất công bố theo từng thời kỳ và được điều chỉnh hàng quý. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng bảo lãnh số U600/ST/GH/2016-GC với số tiền ký quỹ của Ông Zhao Qian là 3.055.029,26 USD và số tiền 165,000.00 CNY. Công ty bảo đảm cho hợp đồng vay này bằng 2 hợp đồng bảo đảm số U600/ST/GH/2016-GC ngày 03/07/2016 với hình thức bảo đảm trách nhiệm liên đới và hợp đồng cầm cố số U600/ST/GH/2016-PC ngày 03/07/2016 với số tiền là 3.088.816,92 USD.
- (2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương Hợp đồng tín dụng số 15.180/2015-HBTDHM/NHCT901- GIANGHOAI lập tại ngày 29/12/2015, hạn mức cho vay không vượt quá 40.000.000.000 đồng, thời gian duy trì hạn mức đến hết ngày 31/12/2016 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xe tải và xe đầu kéo JAC giai đoạn 2015-2016, thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay 9%/năm, lãi sẽ được trả vào ngày 25 hàng tháng.
- (3) Vay dài hạn thế hiện khoản vay giữa Công ty và Smart Corp International (HK) Limited theo hợp đồng vay ngày 25/01/2011. Tổng số tiền vay là 2 triệu đô la Mỹ (USD). Mục đích sử dụng tiền vay là phục vụ kinh doanh. Thời hạn cho vay là 36 tháng và sẽ được gia hạn nếu hai bên có nhu cầu tiếp tục hợp tác. Lãi suất cho vay là 2.8%/năm được tính trên tổng số tiền vay. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Khoản vay này được sự chấp thuận của Đại hội Đồng cổ đông theo biên bản họp số 06/2011/BB-GH ngày 02/01/2011. Công ty tái ký Phụ lục 01 hợp đồng vay vốn ngày 25/01/2014 với điều khoản gia hạn thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày 25/1/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(4) Vay dài hạn thể hiện khoản vay giữa Công ty và Ông Zhao Qian theo Hợp đồng vay số 01/VAY2012 ngày 04/01/2012. Tổng số tiền vay là 3.780.366.013 đồng. Mục đích vay là sử dụng vào mục đích kinh doanh của Công ty. Thời hạn cho vay là 24 tháng và sẽ được gia hạn nếu hai bên có nhu cầu tiếp tục hợp tác. Lãi suất cho vay là 18%/năm được tính trên tổng số tiền vay. Phụ lục 01 hợp đồng vay 01/VAY2012 ngày 04/07/2012, lãi suất cho vay từ ngày 04/07/2012 là 14%/năm, phụ lục 02 hợp đồng vay 01/VAY2012 ngày 04/07/2013, lãi suất cho vay từ 04/07/2013 là 12%/năm, Công ty tái ký Phụ lục 03 hợp đồng vay vốn số 01/Vay 2012 ngày 04/01/2014 với các điều khoản thay đổi gồm: gia hạn thời gian vay thêm 24 tháng kể từ ngày 04/01/2014 và lãi suất cho vay là 10%/năm.

5.13 Dự phòng phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	3.085.942.653
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	-	3.085.942.653
b) Dài hạn	-	-
Tổng	-	3.085.942.653

5.14 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	32.709.000.000	3.419.058.490	36.128.058.490
Tăng trong năm	6.500.000.000	(5.428.843.559)	1.071.156.441
Lãi trong năm	-	(5.428.843.560)	(5.428.843.560)
Vốn góp của chủ sở hữu	6.500.000.000	-	6.500.000.000
Tăng khác	-	1	1
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	39.209.000.000	(2.009.785.069)	37.199.214.931
Số dư tại 01/01/2016	39.209.000.000	(2.009.785.069)	37.199.214.931
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	11.321.688.204	11.321.688.204
Lỗ trong năm	-	11.321.688.204	11.321.688.204
Số dư tại 31/12/2016	39.209.000.000	(13.331.473.273)	25.877.526.727

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận kinh doanh, Vốn điều lệ của Công ty là: 39.209.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Vốn điều lệ được chủ sở hữu góp đủ như sau:

Tên đối tượng	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Số vốn đã góp	
	Số lượng	Số tiền	Tỷ lệ	Tại 31/12/2016	Tỷ lệ
	CP	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận Tải	327.090	3.270.900.000	8%	3.270.900.000	8%
Bà Nguyễn Thúy Ngọc	2.777.130	27.771.300.000	71%	27.771.300.000	71%
Ông Bùi Như Lạc	816.680	8.166.800.000	21%	8.166.800.000	21%
Tổng	3.920.900	39.209.000.000	100%	39.209.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VN6	Năm 2015 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	39.209.000.000	32.709.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	6.500.000.000
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	39.209.000.000	39.209.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.920.900	3.920.900
Cổ phiếu phổ thông	3.920.900	3.920.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

5.15 Doanh thu thuần bán hàng

	Năm 2016 VN6	Năm 2015 VND
a) Doanh thu	237.455.615.471	190.332.527.718
Doanh thu bán hàng	237.455.615.471	190.332.527.718
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	1.422.727.273	131.818.181
- Chiết khấu thương mại	-	131.818.181
- Hàng bán bị trả lại	1.422.727.273	-
Doanh thu thuần	236.032.888.198	190.200.709.537

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.16 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VN6	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	226.632.294.949	168.063.320.494
Tổng	226.632.294.949	168.063.320.494

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VN6	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.115.284.031	983.063.327
Lãi chênh lệch tỷ giá	297.805.520	64.667.372
Tổng	1.413.089.551	1.047.730.699

5.18 Chi phí tài chính

	Năm 2016 VN6	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	5.815.637.425	5.270.569.771
Lỗ chênh lệch tỷ giá	820.683.690	4.938.711.227
Hoàn nhập Dự phòng các khoản đầu tư	(420.991.352)	(1.573.283.853)
Tổng	6.215.329.763	8.635.997.145

5.19 Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VN6	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	2.657.907.152	1.676.855.334
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	149.186.528	323.493.854
Chi phí khấu hao TSCĐ	342.902.040	331.544.258
Chi phí bảo hành sản phẩm	(2.997.800.434)	567.865.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.611.901.721	6.294.884.772
Chi phí bằng tiền khác	366.447.499	662.532.766
Tổng	7.130.544.506	9.857.176.396

5.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VN6	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.431.424.766	3.835.683.927
Chi phí đồ dùng văn phòng	99.987.598	185.647.273
Chi phí khấu hao tài sản cố định	215.615.808	190.312.851
Thuế phí và lệ phí	309.625.905	316.245.263
Chi phí dự phòng	(497.092.810)	392.440.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.332.733.307	4.144.872.119
Chi phí bằng tiền khác	871.468.714	1.017.328.551
Tổng	9.763.763.288	10.082.530.429

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.21 Lợi nhuận khác

	Năm 2016 VN6	Năm 2015 VND
Thu nhập khác		
Tiền thưởng bán xe, tiền bảo hành xe JAC	1.050.909.091	-
Các khoản khác	-	40.209.100
Tổng	1.050.909.091	40.209.100
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	51.414.157	-
Các khoản khác	-	78.468.432
Tổng	51.414.157	78.468.432
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	999.494.934	- 38.259.332

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VN6	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(11.296.459.823)	(5.428.843.560)
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	51.414.611	470.308.877
Chi phí không hợp lý hợp lệ	51.414.157	470.308.877
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	454	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	70.264.508
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	70.264.508
Thu nhập chịu thuế	(11.245.045.212)	(5.028.799.191)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	22%
Thuế TNDN truy thu các năm trước	25.228.381	-
Thuế TNDN hiện hành	25.228.381	-

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VN6	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.321.688.204)	(5.428.843.560)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(11.321.688.204)	(5.428.843.560)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	3.920.900	3.623.560
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	(2.888)	(1.498)

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Tiền lương, thưởng và thù lao	1.466.691.745	993.221.649
Tổng		1.466.691.745	993.221.649

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua hàng				
Công ty CP Ô tô JAC Việt Nam	Công ty liên doanh liên kết	Mua xe và gia công thùng xe	43.278.422.238	20.604.545.465
		Nhận chiết khấu bán hàng	901.545.454	98.354.550
Tổng			42.376.876.784	20.506.190.915

Bán hàng

Công ty CP Ô tô JAC Việt Nam	Công ty liên doanh liên kết	Bán thùng xe và phụ tùng	1.562.086.613	87.106.818.167
Tổng			1.562.086.613	87.106.818.167

Số dư phải thu và phải trả với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng				
Công ty CP Ô tô JAC Việt Nam	Công ty liên doanh liên kết	Bán thùng xe và phụ tùng	1.402.895.276	-
Tổng			1.402.895.276	-
Bên liên quan	Mối quan hệ		31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả nhà cung cấp				
Công ty CP Ô tô JAC Việt Nam	Công ty liên doanh liên kết		11.466.646.472	2.911.432.010
Tổng			11.466.646.472	2.911.432.010

6.2 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.826.577.923	6.781.059.236
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.547.895.895	18.457.884.320
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.490.000.000	-
Tổng	48.864.473.818	25.238.943.556
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	57.181.043.250	117.291.532.063
Phải trả người bán và phải trả khác	17.609.275.964	38.154.113.774
Chi phí phải trả	-	13.636.363
Tổng	74.790.319.214	155.459.282.200

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tuy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường (Tiếp theo)**

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền, công nợ phải thu và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Tên đối tượng	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	45.998.935.476	73.555.902.770	53.106	53.560
Tổng	45.998.935.476	73.555.902.770	53.106	53.560

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư ... Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	17.609.275.964	-	17.609.275.964
Các khoản vay	57.181.043.250	-	57.181.043.250
Tổng	74.790.319.214	-	74.790.319.214
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	34.803.269.274	3.350.844.500	38.154.113.774
Chi phí phải trả	13.636.363	-	13.636.363
Các khoản vay	68.451.166.050	48.840.366.013	117.291.532.063
Tổng	103.268.071.687	52.191.210.513	155.459.282.200

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.826.577.923	-	27.826.577.923
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.547.895.895	-	11.547.895.895
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.490.000.000	-	9.490.000.000
Tổng	48.864.473.818	-	48.864.473.818
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.781.059.236	-	6.781.059.236
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.457.884.320	-	18.457.884.320
Tổng	25.238.943.556	-	25.238.943.556

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIANG HOÀI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

Bình Dương, ngày 19 tháng 03 năm 2017

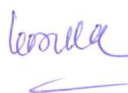
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Ngô Thị Liên



Vũ Kim Dung



Zhao Qian

CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ ĐÓNG CHỮ